

Bản án số: 102/2022/DS-PT

Ngày: 25 - 02 - 2022

V/v Tranh chấp hủy Hợp đồng tặng  
cho quyền sử dụng đất; hủy Giấy chứng  
nhận quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Duyên

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Đắc Minh

Ông Nguyễn Văn Khương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp  
cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh  
tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Minh Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành  
phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý  
số 95/2021/TLPT-DS ngày 20 tháng 01 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hủy  
Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất; tranh chấp hủy Giấy chứng nhận quyền  
sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2020/DS-ST ngày 17 tháng 11 năm 2020  
của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2613/2021/QĐ-PT  
ngày 30 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T sinh năm 1950 (có mặt)

Địa chỉ thường trú: Tổ X4, thôn X4, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Địa chỉ tạm trú: Tổ X4, thôn X4, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Lê Tấn  
T1 – Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai (có mặt).

**- Bị đơn:** Ông Hoàng Đức T2, sinh năm 1941 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ X4, thôn X4, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Bà Hoàng Thị Anh T3, sinh

năm 1980

Địa chỉ: Tổ X4, thôn X4, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/Bà Hoàng Thị Kim A, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ X4, thôn X4, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

2/Bà Hoàng Thị Anh T4, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ X4, thôn X4, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

3/Bà Hoàng Thị Anh T3, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: tổ X4, thôn X4, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

4/Bà Hoàng Thị Anh T5, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: đường N, tổ x4, khu phố x4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị Anh T5 và bà Hoàng Thị Anh T4:* Bà Hoàng Thị Anh T3, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: tổ X4, thôn X4, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận

5/Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ (xin xét xử vắng mặt)

6/Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Thuận.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Hồ L2, chức vụ: Giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Thuận.

Đại diện theo ủy quyền cho ông: Phan Công T2 – Phó giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Thuận (xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện ngày 17/12/2018, đơn khởi kiện bổ sung 24/01/2019, bản tự khai ngày 25/4/2019 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Vào năm 1970 bà chung sống với ông Phạm Đức Đ, gia đình cha mẹ ruột bà tặng cho bà 01 thửa đất tọa lạc tại: thôn x1, xã V, nay là số nhà 103 đường số x1, tổ x5 thôn x5, xã Đ1, huyện Đ. Bà có con chung với ông Đ là Hoàng Thị Kim A-sinh năm 1972. Đến năm 1973 ông Đ chết. Năm 1975 bà sống chung với ông Hoàng Đức T2 không đăng ký kết hôn, vợ chồng có 03 con chung gồm Hoàng Thị Anh T4; Hoàng Thị Anh T3; Hoàng Thị Anh T5; Cả gia đình đều chung sống tại căn nhà trên.

Đến năm 1984 do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên gia đình bà bán căn

nhà đất trên cho bà Lê Thị M1 (nay đã chết-hiện cho con trai Chế Văn H3) giá 14.000 đồng. Sau đó dùng tiền bán đất mua 01 căn nhà và đất hiện đang sử dụng là căn nhà tại đường số 291 đường DT 766, tổ x4, thôn x4, xã T, huyện Đ. Đến ngày 28/6/1995 gia đình bà được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo tờ bản đồ số 129, có diện tích 1.920m<sup>2</sup> do ông Hoàng Đức T2 đứng tên, ngày 04/12/1997 điều chỉnh biến động tăng lên 2.511,6m<sup>2</sup>.

Quá trình sử dụng đất vợ chồng bà có thỏa thuận bán một phần đất trên cho ông Vũ Văn T6 và Nguyễn Thị N5 có chiều ngang (rộng) 6m; dài 80m nhưng chưa làm hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày 06/6/2018 ông Hoàng Đức T2 yêu cầu bà đến Ủy ban nhân dân xã T để ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng cho bà Nguyễn Thị N5 với diện tích 461,6m<sup>2</sup>. Khi ký hợp đồng làm theo hướng dẫn của cán bộ UBND xã T nên bà đã ký vào tất cả các hợp đồng trong đó có 03 hợp đồng tặng cho tài sản là quyền sử dụng đất đối với các con Hoàng Thị Anh T4; Hoàng Thị Anh T3; Hoàng Thị Anh T5.

Sau khi bà phát hiện ông Hoàng Đức T2 lừa dối bà để bà ký vào các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nên bà có đơn khiếu nại yêu cầu dừng việc cấp giấy cho 03 người con chung của bà thì ông Hoàng Đức T2 chửi bới xô đuổi bà ra khỏi nhà, căn nhà bà và ông T2 đang ở cũng đã ký hợp đồng tặng cho con bà là Hoàng Thị Anh T5, nay bà không nơi nương tựa nên đến nhà Hoàng Thị Kim A ở. Việc tặng cho quyền sử dụng đất mà bà đã ký là do ông Hoàng Đức T2 lừa dối, bà không đồng ý tặng cho quyền sử dụng đất cho các con bà.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết: tuyên bố 03 hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu gồm:

+Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Hoàng Đức T2, bà Nguyễn Thị T với bà Hoàng Thị Anh T5 công chứng số 115, quyền số 01-SCT/HĐGD ngày 06/6/2018;

+ Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Hoàng Đức T2, bà Nguyễn Thị T với bà Hoàng Thị Anh T4 công chứng số 116, quyền số 01-SCT/HĐGD ngày 06/6/2018;

+ Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Hoàng Đức T2, bà Nguyễn Thị T với bà Hoàng Thị Anh T3 công chứng số 117, quyền số 01-SCT/HĐGD ngày 06/6/2018;

Yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 672361 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 24/7/2018 đứng tên bà Hoàng Thị Anh T3; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 672362 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 24/7/2018 đứng tên bà Hoàng Thị Anh T5; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 672363 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 24/7/2018 đứng tên bà Hoàng Thị Anh T4;

*-Bị đơn Ông Hoàng Đức T2 tự khai ngày 22/8/2019 và lời khai của người được ủy quyền Hoàng Thị Anh T3:*

Theo lời khai ông T2: ông Hoàng Đức T2 và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 1975 đến nay, vợ chồng có 03 người con chung gồm Hoàng Thị Anh T4; Hoàng Thị Anh T3; Hoàng Thị Anh T5; riêng Hoàng Thị Kim A là con riêng của bà T với người chồng trước. Về nguồn gốc đất trước đây vợ chồng mua của ông C (không nhớ họ tên với giá 2,7 chỉ vàng); sau khi mua đất vợ chồng canh tác, sử dụng, khi được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông là người đứng tên trên giấy tờ đất ông không nhớ số ngày cấp (hiện nay giấy chứng nhận trên đã thu hồi do cấp lại theo Hợp đồng tặng cho các con ông). Quá trình sử dụng vào năm 2005 vợ chồng ông có thỏa thuận bán đất cho bà Nguyễn Thị N5 diện tích đất gần nhà với chiều ngang 6m ngang đất, chiều dài theo thửa đất. Đến khoảng tháng 6/2018 vợ chồng ông ra Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ ký giấy tờ chuyển nhượng đất cho bà Nguyễn Thị N5 và ký các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho các con chung của vợ chồng gồm Hoàng Thị Anh T4; Hoàng Thị Anh T3; Hoàng Thị Anh T5; lý do tặng cho quyền sử dụng đất là do các con đã cất nhà trên đất nên vợ chồng làm thủ tục cho để ổn định cuộc sống của các con.

Cụ thể chuyển nhượng phần đất ngoài có chiều ngang 06m cho bà Nguyễn Thị N5; sát đất bà N5 là đất của Hoàng Thị Anh T3, cạnh đất của Tuyên là đất của Hoàng Thị Anh T5 (là căn nhà của ông T2 hiện đang ở) ; cạnh đất của Tuyên là đất của Hoàng Thị Anh T4. Hiện nay phần đất tặng cho các con ông đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng từng thửa ông nhớ số cấp, ngày cấp.

Nay bà Nguyễn Thị T yêu cầu khởi kiện yêu cầu tuyên bố 03 hợp đồng tặng cho vô hiệu và yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng của các con ông gồm Hoàng Thị Anh T4; Hoàng Thị Anh T3; Hoàng Thị Anh T5 thì ông không đồng ý vì việc thực hiện tặng cho quyền sử dụng đất đúng theo quy định của pháp luật.

*-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Kim A trình bày:*

Bà Hoàng Thị Kim A là con riêng của bà Nguyễn Thị T với người chồng trước. Về yêu cầu khởi kiện của bà T, bà A thống nhất về nội dung trình bày của bà Nguyễn Thị Thành về nguồn gốc các thửa đất trước khi ký hợp đồng tặng cho các em của bà cũng như hợp đồng chuyển nhượng đất cho bà Nguyễn Thị N5. Bà khẳng định nguồn gốc phần đất trên là do ông Hoàng Đức T2 bà Nguyễn Thị T nhận chuyển nhượng chứ không phải đất gia đình khai hoang và không phải chia bình quân nhân khẩu.

Về 03 Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, theo bà A trước kia mẹ bà sống ở số nhà 291 đường ĐT 766, tổ X4, thôn X4, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận cùng ông Hoàng Đức T2, khi mẹ bà ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất là tài sản chung của gia đình mà bà không được biết, mẹ bị lừa dối ký tên vào hợp đồng tặng cho. Sau khi ký xong Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất

cho Hoàng Thị Anh T4, Hoàng Thị Anh T5, Hoàng Thị Anh T3 thì mẹ bà phải chuyển về sinh sống chung với bà vì ông T2 xua đuổi bà T.

Về việc ký Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa Nguyễn Thị T và Hoàng Đức T2 cho các em bà thì bà không chứng kiến, sau này mới nghe bà T kể lại vì bị lừa dối ký tặng cho các em gái.

Theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T thì bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Anh T4 trình bày:*

Bà là con gái của ông Hoàng Đức T2 và bà Nguyễn Thị T. Nguồn gốc đất hiện nay bà đang sử dụng là do cha mẹ bà cho đất cất nhà vào năm 2000 ở gần nhà cha mẹ. Đến năm 2018 cha mẹ bà là ông Hoàng Đức T2 và bà Nguyễn Thị T đã ký Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ có diện tích ngang 9m dài 80m. Hợp đồng tặng cho gồm có ông Hoàng Đức T2, bà Nguyễn Thị T với bà Hoàng Thị Anh T4 được công chứng tại số 116, quyển số 01-SCT/HĐGD ngày 06/6/2018; Cha mẹ bà tự nguyện ký vào hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà đã được công chứng hợp đồng. Hiện nay bà Hoàng Thị Anh T4 đã được Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 672363 cấp ngày 24/7/2018 đứng tên bà Hoàng Thị Anh T4;

Nay mẹ bà là bà Nguyễn Thị T yêu cầu khởi kiện tuyên bố hợp đồng tặng cho vô hiệu và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng của bà Hoàng Thị Anh T4 thì bà không đồng ý vì việc thực hiện tặng cho quyền sử dụng đất đúng theo quy định của pháp luật.

*-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Anh T3 trình bày:*

Bà là con gái của ông Hoàng Đức T2 và bà Nguyễn Thị T. Nguồn gốc đất hiện nay bà đang sử dụng là do cha mẹ bà cho đất cất nhà ở gần cha mẹ vào năm 2014 có diện tích ngang 9m dài 80m. Đến năm 2018 cha mẹ Hoàng Đức T2 và bà Nguyễn Thị T đã ký giấy tờ tặng cho quyền sử dụng đất trên tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ.

Hiện nay bà đã được Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 672361 ngày 24/7/2018 đứng tên bà Hoàng Thị Anh T3.

Nay bà Nguyễn Thị T yêu cầu khởi kiện tuyên bố hợp đồng tặng cho vô hiệu và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng của bà Hoàng Thị Anh T3 thì bà không đồng ý vì việc thực hiện tặng cho quyền sử dụng đất đúng theo quy định của pháp luật.

*-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Anh T5 trình bày:*

Bà là con gái của ông Hoàng Đức T2 và bà Nguyễn Thị T. Nguồn gốc đất

mà bà được cho có căn nhà của cha mẹ bà xây dựng từ khi mua đất đến nay phần thừa đất trên nằm giữa đất của bà T3 và bà T4, trên đất có 10 đến 15 cây cao su do bà mẹ bà trồng.

Đến năm 2018 cha mẹ bà là ông Hoàng Đức T2 và bà Nguyễn Thị T đã ký Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất trên tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ. Hiện nay căn nhà trên cha mẹ bà là ông Hoàng Đức T2 vẫn đang còn sử dụng nhưng do mâu thuẫn mẹ bà là bà T bỏ nhà đi ở cùng chị gái là Hoàng Thị Kim A.

Nay bà đã được Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 672362 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 24/7/2018 đứng tên bà Hoàng Thị Anh T5.

Nay bà Nguyễn Thị T yêu cầu khởi kiện tuyên bố hợp đồng tặng cho vô hiệu và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng của bà Hoàng Thị Anh T5 thì bà không đồng ý vì việc thực hiện tặng cho quyền sử dụng đất đúng theo quy định của pháp luật.

*-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ.  
Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức M2 trình bày:*

Ông là người ký chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị T, Hoàng Đức T2 với bà Nguyễn Thị N5; đồng thời cũng là người ký chứng thực Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị T, Hoàng Đức T2 với các con là Hoàng Thị Anh T4; Hoàng Thị Anh T3; Hoàng Thị Anh T5.

Ông Phan Đức M2 cho rằng bà T yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Hoàng Đức T2 và bà Nguyễn Thị T được Ủy ban nhân dân xã T ký chứng thực là giả mạo, yêu cầu trên không có căn cứ. Bởi vì khi tham gia ký các hợp đồng đã được soạn thảo sẵn của bà T ông T1 (nhờ địa chính xã soạn thảo), ông là người nhận văn bản hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất gồm 04 bộ cụ thể: 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Hoàng Đức T2 và bà Nguyễn Thị T cho Nguyễn Thị N5; 03 hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của ông Hoàng Đức T2 và bà Nguyễn Thị T cho Hoàng Thị Anh T4, Hoàng Thị Anh T3 và Hoàng Thị Anh T5.

Quá trình hợp đồng thực hiện hợp đồng được thực hiện trong ngày 06/6/2018 ông có ký vào các hợp đồng cụ thể như đã nêu. Các hợp đồng được ký theo thứ tự từng bộ hợp đồng riêng biệt, ký từng hợp đồng một. Khi ký có đại diện tư pháp là bà Trương Thị Thanh N3 đọc tóm tắt nội dung của từng nội dung của từng hợp đồng, có đưa cho mọi người cùng đọc trước khi ký vào văn bản của hợp đồng và có giải thích quyền lợi của họ trước khi ký hợp đồng và sau khi nghe hợp đồng được thông qua thì các bên có ký vào từng trang của hợp đồng. Mỗi hợp đồng được lập thành 04 bộ, xã giữ 01 bộ còn lại giao hết cho các bên. Ông M2 khẳng định việc ký công chứng không có sự che giấu gì, việc ký chứng

thực được công khai cho các bên được nghe, được đọc theo quy định của pháp luật.

*-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Thuận.*

Tại văn bản số 1938/VPĐKĐĐ-ĐKCG ngày 20/9/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Thuận: về trình tự, thủ tục cấp đất tại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng quy định của Luật đất đai. Qua thẩm tra hồ sơ đủ điều kiện, giải quyết theo quy định tại Điều 188 và Điều 105 Luật đất đai năm 2013, Điều 37 và Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Quyết định số 142/QĐ-STNMT ngày 28/02/2018 của Giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường về việc ủy quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ tham mưu Văn phòng đăng ký đất đai thu hồi Giấy chứng nhận số C 0973256, đồng thời cấp 04 giấy chứng nhận vào ngày 24/7/2018 gồm các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 672361 đứng tên bà Hoàng Thị Anh T3; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 672362 đứng tên bà Hoàng Thị Anh T5; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 672363 đứng tên bà Hoàng Thị Anh T4.

*-Người làm chứng bà Nguyễn Thị N5 trình bày:*

Vợ chồng bà cùng thỏa thuận với bà Nguyễn Thị T, ông Hoàng Đức T2 chuyển nhượng từ bà T, ông T2 01 diện tích đất và có lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Hoàng Đức T2, bà Nguyễn Thị T với bà Nguyễn Thị N5 ngày 06/6/2018. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được lập và ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Quá trình chuyển nhượng đất với ông T2, bà T bị gián đoạn 4 lần, lý do hai bên không thỏa thuận được về diện tích đất có phần đất thổ cư chưa được thỏa thuận trước đó nhưng sau đó các bên đã thỏa thuận xong mới ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà N5 và ông T2, bà T được lập và ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận 01 lần duy nhất vào ngày 06/6/2018.

Theo bà N5 việc ký hợp đồng chuyển nhượng được Ủy ban nhân dân xã T làm sẵn hồ sơ hợp đồng chuyển nhượng, lúc này có mặt bà, bà T, ông T2, chị T3, chị T4 và chị T5 có mặt tại Ủy ban nhân dân xã T. Hồ sơ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập sẵn nên chúng tôi cùng ký tên vào, ký tại Phòng tư pháp có mặt đại diện của Ủy ban xã T là cô N3, cô Y và ông T7. Trước khi ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì cán bộ của Ủy ban nhân dân xã T không đọc nội dung của Hợp đồng chuyển nhượng cho bà nghe. Khi ký Hợp đồng chuyển nhượng thì ông Hoàng Đức T2 ký trước, đến bà ký và cuối cùng là bà Nguyễn Thị T ký. Việc bà T ký tên là có ông T2 chỉ cho bà T chỗ ký tên. Khi ký xong Hợp đồng chuyển nhượng thì cán bộ của Ủy ban nhân dân xã T cũng không đọc nội dung của Hợp đồng chuyển nhượng cho bà nghe, cũng không giải thích quyền lợi cho chúng tôi trước và sau khi Hợp đồng được thông qua.

Đối với các Hợp đồng tặng cho còn lại thì bà không chứng kiến việc ký hợp đồng tại Ủy ban nhân dân xã; khi ký hợp đồng chuyển nhượng đất với bà thì 03 người con gái là Hoàng Thị Anh T4, Hoàng Thị Anh T5 và Hoàng Thị Anh T3 cùng đứng ở ngoài hành lang của trụ sở Ủy ban nhân dân xã T. Sau khi bà, ông T2 và bà T ký xong thì 03 người con gái là Hoàng Thị Anh T4, Hoàng Thị Anh T5 cùng đi vào phòng Tư pháp.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2020/DS-ST ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã quyết định như sau:*

Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị T về yêu cầu tuyên bố 03 hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu giữa Hoàng Đức T2, bà Nguyễn Thị T với các bà Hoàng Thị Anh T5; Hoàng Thị Anh T4; Hoàng Thị Anh T3 được UBND xã T, huyện Đ công chứng cùng ngày ngày 06/6/2018; Yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 672361 đứng tên bà Hoàng Thị Anh T3; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 672362 bà Hoàng Thị Anh T5; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 672363 bà Hoàng Thị Anh T4 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Thuận cấp cùng ngày 24/7/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng khác, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị T kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố 03 hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Hoàng Đức T2, bà Nguyễn Thị T với các bà Hoàng Thị Anh T4, Hoàng Thị Anh T3, Hoàng Thị Anh T5 vô hiệu; Hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 24/7/2018 do căn cứ vào các hợp đồng trên. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn, đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đồng ý yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trong phần tranh luận:

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã có những vi phạm tố tụng sau:

+ Giấy ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã T thể hiện ông Phan Đức M2 ủy quyền cho bà Trương Thị Thanh N3. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm thì giấy ủy quyền này đã hết hiệu lực 05 tháng. Đây là cá nhân ông M2 ủy quyền cho bà N3, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận giấy ủy quyền này, công nhận bà N3 là người đại diện cho Ủy ban nhân dân xã T là không đúng quy định pháp luật. Như vậy, quá trình xét xử vụ án tại cấp sơ thẩm, Ủy ban nhân dân xã không có người đại diện ủy quyền, không tham gia tố tụng.



+ Một số văn bản tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm đã ghi không đúng như: Vụ án xét xử sơ thẩm nhưng văn bản thể hiện mở phiên tòa phúc thẩm; Biên bản lấy lời khai tại bút lục 165 ghi thời điểm lấy lời khai năm 2018, trong khi vụ án được Tòa án thụ lý năm 2019.

- Về nội dung: Hồ sơ thể hiện, phần đất tranh chấp được tách thành 04 thửa, trong đó 01 thửa chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị N5, 03 thửa còn lại tặng cho 03 người con. Trên đất còn căn nhà ngói do bà T xây dựng. Tại biên bản lấy lời khai bà T5 cũng thừa nhận căn nhà ngói của ông T2, bà T, căn nhà này có 01 phần nằm trên đất bà T5, 01 phần nằm trên đất bà T3. Theo Điều 408 Bộ luật dân sự thì 02 giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất là vô hiệu do có đối tượng không thể thực hiện được. Thời điểm bà T phát hiện bị lừa dối đã làm đơn ngăn chặn, việc tặng cho chưa được sang tên, nhưng Ủy ban nhân dân tiếp tục làm thủ tục sang tên cho người mới là trái quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T3 cho rằng bà T còn phần đất trồng cao su, nhưng phần đất này không thể xây dựng nhà ở. Hiện tại, bà T không còn chỗ ở nào khác, có hoàn cảnh rất khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Ngoài khoản tiền từ thu hoạch cao su thì hàng tháng chị em bà vẫn cho cha mẹ tiền, đảm bảo cuộc sống cho mẹ. Thời điểm mở phiên tòa sơ thẩm, ông M2 là chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, nên giấy ủy quyền cho bà N3 là người đại diện ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã là đúng. Trong giao dịch chuyển nhượng với bà N5, thì bà N5 cũng làm đơn kiện, nên việc tặng cho tài sản có dừng lại 3-4 tháng, khi giải quyết tranh chấp bà N5 xong thì mới hoàn thành hợp đồng tặng cho. Về phần đất trồng cao su thì ông T2 chờ kết quả giải quyết vụ án này sẽ mời bà T về để giải quyết. Khi bà T có đơn tranh chấp thì bà được biết hồ sơ sang tên đã chuyển cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh, sau đó thì các bà nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì là trong gia đình nên không có làm biên bản bàn giao tài sản tặng cho.

Khi bà T4 xây nhà có được ông T2, bà T cho mượn tiền xây nhà, bản thân bà xây nhà thì ba mẹ bà cũng có mặt ở đó, nên việc làm giấy chứng nhận chỉ là hợp thức hóa hồ sơ, chứ thực chất ông T2, bà T đã tặng cho nhà đất cho chị em bà nhiều năm nay. Vấn đề về thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân thì bà không biết. Do đó, bà T3 đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:*

Về thủ tục tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo quy định của luật tố tụng hiện hành, không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Xét về nội dung vụ án, bà T ông T2 chung sống từ năm 1975, tạo dựng được phần đất tọa lạc tại Ủy ban nhân dân xã T, được Ủy ban nhân dân huyện Đ

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông T2 đứng tên. Năm 2018 ông T2, bà T lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho 3 người con là bà Hoàng Thị Anh T3, Hoàng Thị Anh T4 và Hoàng Thị Anh T5. Sau đó, bà T cho rằng bị lừa dối khi ký các hợp đồng trên nên đề nghị vô hiệu hợp đồng tặng cho và hủy giấy chứng nhận kèm theo. Bà T không chứng minh được bị lừa dối khi ký hợp đồng; Kết luận giám định xác định chữ ký trong hợp đồng tặng cho là của bà T. Do đó, kháng cáo của bà T là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát,

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm công nhận bà Trương Thị Thanh N3, là người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã T là không đúng, vì giấy ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã T không hợp lệ.

Xét, giấy ủy quyền ngày 06/5/2020 có nội dung: Bên ủy quyền: Phan Đức M2, bên được ủy quyền: Trương Thị Thanh N3; Thời gian ủy quyền từ ngày 06/5/2020 đến ngày 08/6/2020; Giấy ủy quyền có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T. Theo đó thì vấn đề mà người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nêu là đúng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Ủy ban nhân dân xã T đã có văn bản số 273/UBND ngày 09/12/2019 trình bày ý kiến. Nội dung bà N3 trình bày tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với ý kiến của Ủy ban nhân dân xã T. Do đó, mặc dù việc bà N3 là đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã T không đúng về thủ tục, nhưng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên không phải là căn cứ để hủy bản án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2] Đối với nội dung trình bày về việc một số văn bản tố tụng của cấp sơ thẩm ghi nhầm từ “sơ thẩm” là “phúc thẩm”; Quyết định sửa chữa bổ sung bản án sơ thẩm số 11/2020/QĐ-SCBSBA ngày 25/12/2020 do Thẩm phán chủ tọa phiên tòa sơ thẩm ký không có thay mặt Hội đồng xét xử sơ thẩm là không đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy, những sai sót về hình thức này không làm thay đổi bản chất nội dung vụ việc, do đó Tòa án cấp sơ thẩm nên rút kinh nghiệm.

[3] Ông Hoàng Đức T2 và bà Nguyễn Thị T sống chung từ năm 1975, có 03 người con gồm các bà: Hoàng Thị Anh T3, Hoàng Thị Anh T4, Hoàng Thị Anh T5. Bà Hoàng Thị Kim A là con của bà T với ông Phạm Đức Đ. Theo yêu cầu khởi kiện của bà T, thì quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là tranh chấp hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ vợ chồng ông T2, bà T sang các con chung; Đối tượng tranh chấp là nhà và đất tại số 291 đường DT 766, tổ x4, thôn x4, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận do ông T2, bà T tạo lập. Do đó, bà A không có quyền lợi nghĩa

vụ liên quan trong vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà A vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Nhà và đất tại thửa đất số 129 tờ bản đồ số 03, diện tích 1.920m<sup>2</sup> được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C0973256 mang tên Hoàng Đức T2 tại Quyết định 179/QĐ-UBND ngày 28/6/1995. Ngày 24/01/2018 ông T2, bà T làm thủ tục điều chỉnh biên động đất thay đổi thửa đất số mới là thửa 68, tờ bản đồ số 11 có diện tích 2.514,6m<sup>2</sup> và chia tách ra làm 04 thửa đất bao gồm thửa số 69 diện tích 687,4m<sup>2</sup>, thửa số 70 diện tích 701,7m<sup>2</sup>, thửa số 71 diện tích 663,9m<sup>2</sup> và thửa số 72 diện tích 461,6m<sup>2</sup>. Ngày 06/6/2018 tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã T, ông T2 bà T đã ký 04 hợp đồng. Trong đó, 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị N5 thửa số 72 với diện tích 461,6m<sup>2</sup>; 03 hợp đồng tặng cho tài sản là quyền sử dụng đất 03 thửa còn lại với các con Hoàng Thị Anh T4, Hoàng Thị Anh T3, Hoàng Thị Anh T5. Bà T cho rằng đã bị lừa dối khi ký 03 hợp đồng tặng cho, nên khởi kiện yêu cầu hủy các hợp đồng tặng cho và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà T4, bà T5, bà T3 căn cứ vào các hợp đồng tặng cho.

[5] Xét, 03 hợp đồng tặng cho tài sản là quyền sử dụng đất từ ông T2, bà T sang bà T4, bà T3, bà T5:

[5.1] Về hình thức: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đều được công chứng theo quy định pháp luật.

[5.2] Về nội dung: Hợp đồng thể hiện ông T2, bà T tặng cho 03 thửa đất còn lại cho các con chung (trừ thửa 72 đã chuyển nhượng cho bà N5). Các thửa đất được tách ra đều có các căn nhà xây trước đây của các con, tương ứng với các thửa đất trong hợp đồng. Bà T cho rằng bị lừa dối khi ký các hợp đồng trên, nên đã có đơn khiếu nại dừng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 03 người con.

Hồ sơ vụ án thể hiện ngày 06/7/2018 bà T có đơn khiếu nại về việc dừng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các con, theo dấu bưu điện xác nhận thì các cơ quan có thẩm quyền nhận được đơn ngày 17/7/2018. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định, căn cứ vào phiếu thông báo về việc cấp, chỉnh lý, cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 04 thửa đất trên đã được giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ ký tên, đóng dấu vào bộ hồ sơ ngày 17/7/2018 (cùng ngày cơ quan có thẩm quyền nhận được đơn khiếu nại của bà T), thì hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã hoàn chỉnh.

- Xét, Khoản 1 Điều 459 Bộ luật dân sự quy định: “Hợp đồng tặng cho bất động sản có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký”, Khoản 19 Điều 4 Luật đất đai năm 2013 thì: “Đăng ký quyền sử dụng đất là việc ghi nhận quyền sử dụng đất hợp pháp đối với một thửa đất xác định vào hồ sơ địa chính nhằm xác lập quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất”. Đối chiếu với quy định trên, thì tại thời điểm bà T có đơn khiếu nại chưa đủ cơ sở để xác định việc đăng ký quyền sử dụng đất đã hoàn thành. Tòa án cấp sơ thẩm phải thu thập tài liệu, chứng cứ để

làm rõ khi bà T có đơn khiếu nại (17/7/2018), việc đăng ký quyền sử dụng đất căn cứ vào hợp đồng tặng cho đã đến giai đoạn nào (đã ghi nhận vào hồ sơ địa chính chưa), từ đó mới đủ căn cứ xác định hiệu lực của hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

- Mặt khác, bà T thừa nhận có đến Ủy ban nhân dân xã T ký vào hợp đồng. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Kết luận giám định số 1022/KLGD-PC09 ngày 30/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bình Thuận có nội dung: Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị T trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 là do cùng một người ký và viết, để xác định bà T không chứng minh được việc bị lừa dối là không đúng.

Theo Điều 127 Bộ luật dân sự năm 2015, thì lừa dối trong giao dịch dân sự là hành vi cố ý của một bên hoặc của người thứ ba nhằm làm cho bên kia hiểu sai lệch về chủ thể, tính chất của đối tượng hoặc nội dung của giao dịch dân sự nên đã xác lập giao dịch đó. Bà T trình bày khi ký do nhầm lẫn là ký vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà N5, và làm theo hướng dẫn của cán bộ Ủy ban nhân dân xã T. Vậy, vấn đề cần phải chứng minh làm rõ là ý chí của bà T khi ký vào hợp đồng có biết đây là hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, hay đang nhầm lẫn là hợp đồng khác, chứ không phải chứng minh là bà T có ký vào hợp đồng tặng cho hay không.

Theo người làm chứng bà Nguyễn Thị N5 trình bày: Khi ký hợp đồng tại Ủy ban nhân dân xã thì có mặt bà, bà T, ông T2 và 03 người con; Hồ sơ hợp đồng được lập sẵn, các bên chỉ cần ký tên vào; Trước và sau khi ký, cán bộ Ủy ban nhân dân xã không đọc lại nội dung, không giải thích quyền lợi cho các bên cùng nghe; Việc bà T ký tên là có ông T2 chỉ chỗ cho bà T ký. Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ lời trình bày này của bà N5, mà nhận định cho rằng sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng bà N5 ra về, rồi các con bà T, ông T2 mới đi vào ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất để không xem xét lời khai của bà N5 là không khách quan. Hơn nữa, như đã nhận định ở phần trên, cho dù bà T có ký hợp đồng tặng cho, thì hợp đồng cũng chưa thể phát sinh hiệu lực ngay. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ lý do bà T lại có sự thay đổi ý chí sau khi ký hợp đồng tặng cho trong khoảng thời gian ngắn, để xác định thực chất có việc bà T bị lừa dối khi ký vào các hợp đồng trên hay không, là chưa đủ cơ sở để giải quyết vụ án.

[6] Ngoài ra, bà T trình bày sau khi ký hợp đồng tặng cho hết nhà và đất thì bà không còn nơi ở nào khác. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Hoàng Thị Anh T3 trình bày ngoài nhà và đất trên, thì tài sản chung của ông T2, bà T còn phần đất đang trồng cây cao su, nhưng hiện nay ông T2 là người quản lý. Vậy, căn cứ vào lời trình bày của phía bị đơn thì có cơ sở xác định việc bà T trình bày hiện tại không còn nơi ở là đúng sự thật. Xét về tính hợp lý thì cá nhân tặng cho tài sản khi có đầy đủ điều kiện về cuộc sống. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào việc bà T có ký tên vào hợp đồng, mà không xem xét đến lời trình bày của đương sự về điều kiện, hoàn cảnh, diễn biến sự việc sau khi ký hợp đồng tặng

cho là chưa xem xét toàn diện vụ án. Vì nội dung này cũng có giá trị chứng minh là bà T có thật sự bị lừa dối khi ký hợp đồng hay không. Mặt khác, quan hệ giữa các đương sự trong vụ án là vợ chồng, mẹ con nên việc chứng minh để xác định sự thật nguyên đơn có bị lừa dối khi ký hợp đồng tặng cho các con có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định bản chất vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập tài liệu chứng cứ làm rõ vấn đề này, mà chỉ căn cứ vào kết luận giám định để nhận định bà T không bị lừa dối khi ký hợp đồng tặng cho là chưa đủ căn cứ. Việc làm rõ những vấn đề này còn có ý nghĩa là căn cứ để xem xét trường hợp này có đủ điều kiện áp dụng Án lệ 14/2017/AL khi giải quyết vụ án.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã có những thiếu sót về tố tụng gây ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Những thiếu sót này Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[8] Bản án sơ thẩm bị hủy do có những thiếu sót về tố tụng nên Hội đồng xét xử không xem xét nội dung vụ án.

[9] Án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên người có kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T;

Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 26/2020/DS-ST ngày 17/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận; Chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- ND (1);
- BD (1);
- NLQ (6);
- Lưu (10) 23b (Án TTKY).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Duyên**

